TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Đức – Ông Trần Văn Đức.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 238/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1992; Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1994; Vắng mặt.
Địa chỉ: Số 160 N.B.K, Khu phố 7, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27.7.2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà Trần Thị Tuyết N trình bày:

Bà N và ông Trần Đức T tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết

hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93, đăng ký ngày 25/9/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N có thời gian chung sống tại nhà cha mẹ ruột của ông T tại Khu phố 7, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, sau đó chuyển lên sống tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách kg hòa hợp nên thường cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng bà N đã không còn chung sống khoảng hai năm rưỡi nay. Bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông Trần Đức T.

Về con chung: Bà N và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà N có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn - ông Trần Đức T:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng khác đối với ông T nhưng ông T không chấp hành, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vắng mặt không lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn có đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trước đây, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước thụ lý, giải quyết vụ việc vì bị đơn ông Trần Đức T tạm trú tại Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quá trình Tòa án nhân dân huyện B thụ lý xem xét, giải quyết thì bị đơn ông Trần Đức T đã chuyển về sinh sống với cha mẹ ruột tại địa chỉ thường trú: số 160 N.B.K, Khu phố 7, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Do đó Tòa án nhân dân huyện B đã chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận để giải quyết theo thẩm quyền (Quyết định chuyển vụ án số 10/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2020, gửi kèm hồ sơ vụ việc đã thụ lý). Qua xác minh cho thấy hiện nay bị đơn ông Trần Đức T đang sinh sống với cha mẹ ruột tại địa chỉ thường trú: số 160 N.B.K, Khu phố 7, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận nên vụ việc tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn - bà Trần Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Trong thời gian ngắn chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hòa hợp, không biết tôn trọng, nhường nhịn, thương yêu, chia sẽ, giúp đỡ lẫn nhau, bà N và ông T đã không còn chung sống với nhau khoảng hơn 02 năm nay. Quá trình giải quyết ông T không hợp tác, bà N xin vắng mặt tại phiên tòa Từ đó chứng tỏ giữa bà N và ông T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không tồn tại. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của

nguyên đơn bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N và ông T không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 21, 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N.

Bà Trần Thị Tuyết N được ly hôn ông Trần Đức T.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 015552 ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà Trần Thị Tuyết N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các bên đương sự. Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Bình Phước;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

BÙI ĐĂNG